

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1210/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Đức H, sinh năm 1966; thường trú: 26/A11 khu phố x, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; thường trú: 26/A11 khu phố x, phường A Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S tự nguyện tìm hiểu nhau, đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh P theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, cấp ngày 10/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hiện mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S xác định quá trình chung sống có 04 con chung tên Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1987; Lê Thị H2, sinh năm 1991; Lê Thị D, sinh năm 1993 và Lê Minh P, sinh ngày 10/01/2007. Ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị S là người tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 10/01/2007; riêng các con

chung tên Lê Thị Thúy H1, Lê thị H2, và Lê Thị D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu ông Lê Đức H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Minh P

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn và thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S.

1.2 Về con chung: Ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị S là người tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 10/01/2007. Riêng các con chung tên Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1987; Lê Thị Huyền, S năm 1991; Lê Thị Dung, S năm 1993 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu ông Lê Đức H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Minh Phương.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003589 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã K, huyện L, tỉnh P theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyền số 01, cấp ngày 10/5/2012);
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Hồ Thanh Thủy

